

((Pages 1, 2 and 3 of Item 3 of O.T.))

LIST OF PERSONNEL ((OF A PLATOON SIZED UNIT))

Order No.			Date of birth	Date enlisted	Rank	Position	Date admitted to the Party		Date admitted to the Group	Source's social class
	Full name	Commonly used name					Probationary	Official		
((1))	((2))	((3))	((4))	((5))	((6))	((7))	((8))	((9))	((10))	((11))
1	Buì Tân Hùng	Buì Văn Hùng	1940	9 May 61	Plt Ldr	Plt Ldr	4 Apr 64	4 Jan 65		Poor Farmer ((PF))
2	Buì Văn Bon	Buì Tân Thanh	1940	2 Mar 65	Sqd Ldr	Sqd Ldr	8 Jun 65	3 Aug 66		PF
3	Buì Văn Tinh	Trần Văn Tinh	1947	3 Jun 65	Asst Sqd Ldr	Asst Sqd Ldr	17 Jun 68			PF
4	Buì Văn Căn	Buì Văn Căn	1947	15 Aug 65	Asst Sqd Ldr	Asst Sqd Ldr	25 Sep 68		10 Aug 65	PF
5	Nguyễn Trọng Diên	Nguyễn Trọng Diên	1946	25 Feb 65					May 68	
6	Nguyễn Quyết Thắng	Nguyễn Quyết Thắng	1948	14 Feb 67					28 Jun 68	Worker
7	Nguyễn Văn Có	Nguyễn Văn Rót	1950	6 Jan 68					May 68	Mechanic
8	Nguyễn Văn Chiến	Nguyễn Văn Đen	1947	Dec 67					22 Nov 68	Irrigation and flood control personnel

	Family's social class	Education	Father's name	Mother's name	Wife's name	Children	Place of Birth: Village, District, Province	Residence	Remarks
	((12))	((13))	((14))	((15))	((16))	((17))	((18))	((19))	((20))
1	Poor farmer	3	Bui Văn Mung	Nguyễn Thị Nhỏ			Tân Phú Trung, Củ Chi, Gia Định		
2	PF	4	Bui Văn Vai	Võ Thị Chi	Đỗ Thị Lớn		Thuận Điện, Giồng Trôm, Bến Tre		
3	PF	9	Trần Văn Tuệ	Trần Thị Tuệ			Trúc Đại, Trục Ninh, Nam Hà		
4	PF	3	Bui Văn Bô	Thái Thị Tam			Phong Thanh, Giá Rai, Cà Mau		
5		5	Nguyễn Trọng Hồng	Nguyễn Thị Công			An Lâm, Nam Sách, Hải Dương	Thanh Lâm, Nam Sách, Hải Dương	
6	Worker	1	Nguyễn Văn Chúc	Nguyễn Thị Thịnh			Village 5, Bến Kết, Kompoing Chang		
7	Carpenter	1	Nguyễn Văn Khi	Nguyễn Ngô Thị Ut			Kratic		
8	Irrigation and flood control personnel		Nguyễn Văn Thanh	Nguyễn Thị Định			Chợ Nhỏ, Battambang		

((1))	((2))	((3))	((4))	((5))	((6))	((7))	((8))	((9))	((10))	((11))
9	Lê Văn Hết	Lê Văn Hết	1949	4 Jan 68					22 Nov 68	Bricklayer
10	Bùi Văn Hoàng	Bùi Văn Hoàng	1943	9 Mar 68					22 Nov 68	Worker
11	Trần Văn Sóc	Trần Văn Lỗi	1949	27 Feb 68						Bricklayer
12	Nguyễn Văn Đang	Nguyễn Văn Đang	1948	Mar 68						PF
13	Phạm Văn Ân	Phạm Việt Hưng	1948	5 Jan 68						Mechanic
14	Nguyễn Văn Thái	Nguyễn Văn Thái	1951	24 Jan 68						Painter
15	Bùi Văn Nô	Bùi Văn Thông	1949	3 Jan 68						Worker
16	Nguyễn Văn Un	Nguyễn Thanh Quý	1947	2 Feb 68					22 Nov 68	Irrigation and flood control personnel
17	Đặng Văn Lý	Đặng Văn Lý	1951	15 Dec 67						Proletariat

	((12))	((13))	((14))	((15))	((16))	((17))	((18))	((19))	((20))
9	Carpenter	2	Lê Văn Phâm	Đặng Thị Dung			Route N. 6, Công Xi Hec, PnomPenh		
10	Worker	1	Bùi Văn Ngã	Trưởng Thị Ế			Goi, Lô Ven ((Khmer Republic))		
11	Carpenter	1	Trần Văn Phát	Lê Thị Trâm			Chợ ((market)) No. 6, Pnom Penh ((Khmer Republic))		
12	Carpenter	1	Nguyễn Văn Gáp	Nguyễn Thị Thê			Có Chet, Lô Ven ((Khmer Republic))		
13	PF	2	Phạm Văn Khai	Trưởng Thị Bằng			Có Chet, Lô Ven ((Khmer Republic))	Tà Bôn, Ba Nam	
14	Painter	1	Nguyễn	Nguyễn Thị Giang			Bamonche, Pnom Penh ((Khmer Republic))		
15	Worker	1	Bùi Văn Uân	Nguyễn Thị Thêm			Kompong Chang ((Khmer Republic))	Chamcarandong ((Khmer Republic))	
16	Irrigation and flood control personnel	1	Nguyễn Văn Đổ	Ngô Thị Thiệu			Dũng Xả Năng ((Khmer Republic))		
17	Small Bourgeoisie	2	Đặng Văn Kỳ	Lê Thị Ngủ			Cán Ché ((Khmer Republic))		

((1))	((2))	((3))	((4))	((5))	((6))	((7))	((8))	((9))	((10))	((11))
18	Buĩ Văn Tâm	Buĩ Tân Công	1943	1 Mar 65	Sqd Ldr	Sqd Ldr	8 Apr 68			PF
19	Nguyễn Công Ngọc	Nguyễn Công Ngọc	1947	4 Feb 68						Worker
20	Buĩ Kim Sang	Buĩ Kim Sang	1952	5 Feb 68					8 Sep 68	Student
21	Phan Tâm	Nguyễn Văn Tâm	1945	4 Feb 68					8 Sep 68	Student
23	Nguyễn Văn Vĩnh	Nguyễn Văn Vĩnh	1943		Asst Plt Ldr	Asst Plt Ldr	6 Aug 65	6 Nov 66		PF
24	Nguyễn Văn Tính	Nguyễn Anh Phong	1952	18 Jan 68	Medic	Medic				Student
25	Tiểu Văn Hui	Tiểu Văn Hui	1948		Asst Sqd Ldr	Asst Sqd Ldr				
26	Lê Văn Nhuận	Lê Việt Hoa	1938	12 Oct 64	Sqd Ldr	Sqd Ldr	21 Feb 67	20 Feb 68		MF
27	Trần Văn Sơn	Trần Văn Sơn	1947	19 Mar 68					22 Nov 68	PF

	((12))	((13))	((14))	((15))	((16))	((17))	((18))	((19))	((20))
18	PF	3	Bui Văn Chanh	Lê Thị Diên			Bình Trung, Châu Thành, Mỹ Tho	Làng ((Village)) 5/4 Bình Chánh	
19	Worker	3	Nguyễn Công Văng	Lê Thị Nhài			Kompong Chang		
20	Urban proletariat	4	Bui Văn Viên	Nguyễn Thị Huyền			Kompong Chang		
21	Petty Bourgeoisie	7	Nguyễn Văn Ngọc	Nguyễn Thị Bảo			Hàng Ruồn, District 1, Phnom Penh		
23	PF	3	Lê Văn Nhỏ	Nguyễn Thị Tú			Mỹ Long, Cai Lậy, Mỹ Tho		
24		4	Nguyễn Văn Mười	Lê Thị Bay			Kho Dạn, Phnom Penh		
25									
26	MF	2	Lê Văn Cung	Mai Thị Khái	Huỳnh Thị Kiều	Lê Thị Quít, Lê Văn Dung, Lê Thị Mâu, Lê Thị Nga	Ta An Khương, Ngọc Viên, Cà Mau		
27	PF	1	Trần Văn Ngón	Lê Thị Lạc			Goi, Lō Ven		

-----END OF TRANSLATION-----